

Số: 126/NQ-HĐND

Quảng Trị, ngày 07 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16/6/2022 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Pháp lệnh số 01/2018/UBTVQH14 ngày 22/12/2018 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 04 Pháp lệnh có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch; Nghị định số 58/2023/NĐ-CP ngày 12/8/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

Căn cứ Nghị quyết 119/NQ-CP ngày 27/9/2021 của Chính phủ về các nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ lập các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030;

Căn cứ Quyết định số 776/QĐ-TTg ngày 08/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Báo cáo thẩm định số 7016/BC-HĐTĐ ngày 28/8/2023 của Hội đồng Thẩm định Quy hoạch tỉnh;

Xét Tờ trình số 198/TTr-UBND ngày 19/12/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với một số nội dung chính như sau:

I. Phạm vi ranh giới Quy hoạch

1. Phần lãnh thổ đất liền

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm diện tích tự nhiên trên đất liền và đảo Cồn Cỏ của tỉnh Quảng Trị là 4.701,23 km², gồm 10 huyện, thị xã, thành phố:

- Phía Bắc giáp huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;
- Phía Nam giáp huyện Phong Điền và A Lưới, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phía Đông giáp Biển Đông;
- Phía Tây giáp tỉnh Savannakhet và Salavan (nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào).

Toạ độ địa lý của tỉnh Quảng Trị là từ 16°18' đến 17°10' vĩ độ Bắc, 106°32' đến 107°34' kinh độ Đông.

2. Phần không gian biển: Được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. Nội dung Quy hoạch

1. Quan điểm phát triển

a) Phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, thống nhất với hệ thống quy hoạch quốc gia và phù hợp với chiến lược phát triển bền vững, chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia.

b) Phát triển theo hướng xanh và bền vững, phù hợp với đặc điểm tự nhiên và bối cảnh phát triển, khai thác phát huy được các tiềm năng, lợi thế, dựa trên ứng dụng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, chủ động phòng chống thiên tai và thích nghi, ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu. Phát triển đa dạng, tạo cơ hội tiếp cận thuận lợi với tiềm năng đất đai, đáp ứng nhu cầu đầu tư, thông qua quy hoạch linh hoạt gắn với mục tiêu và tầm nhìn đã xác định, tích cực thu hút các doanh nghiệp lớn, đồng thời hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ, kinh tế hộ gia đình.

c) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; tăng cường quản lý, bảo vệ chủ quyền biển đảo kết hợp chặt chẽ với phát triển kinh tế biển; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế để khai thác hiệu quả sớm nhất thời cơ và lợi thế trong kỳ quy hoạch cũng như về lâu dài; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

d) Tăng cường liên kết trong vùng và quốc tế, phát huy vị trí trung tâm liên kết nội vùng của khu vực Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ với ngoại vùng theo hướng Đông - Tây và Bắc - Nam, đồng thời tăng cường liên kết giữa các tiểu vùng trong tỉnh. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng theo hướng hiện đại, đồng bộ, ưu tiên những dự án quan trọng có tác động lan tỏa phát triển lớn.

e) Thúc đẩy cải cách hành chính, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, kinh doanh; thúc đẩy nhanh chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, nâng cao chất lượng và hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, thu hút nguồn lực từ bên ngoài kết hợp với phát huy nội lực để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là các lĩnh vực được xác định là trọng điểm và đột phá.

2. Mục tiêu phát triển đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển tỉnh Quảng Trị đạt trình độ phát triển thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước và có cơ cấu kinh tế cơ bản là một tỉnh công nghiệp - dịch vụ; phát triển hài hòa giữa các mục tiêu: kinh tế - xã hội - môi trường - an ninh quốc phòng - hợp tác khu vực, quốc tế; bảo đảm ổn định, công bằng, tiến bộ xã hội; chủ động ứng phó hiệu quả với thiên tai và các tác động của biến đổi khí hậu; hoàn thiện, phát huy hiệu quả kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo bước phát triển đột phá cho giai đoạn tiếp theo; ứng dụng mạnh mẽ các tiến bộ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào tất cả các ngành, lĩnh vực để nhanh chóng số hóa nền kinh tế, cũng như rút ngắn tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá của tỉnh, hướng tới mục tiêu cao nhất và cuối cùng là cải thiện và nâng cao hơn nữa đời sống nhân dân.

Khai thác hiệu quả các lợi thế của tỉnh trên tuyến hành lang hạ tầng theo hướng Bắc - Nam, hành lang Đông - Tây và dải không gian ven biển, trở thành một trong những trung tâm kinh tế tổng hợp của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, trung tâm hậu cần và trung chuyển hàng hóa của khu vực Đông Nam Á và các hành lang giao thông trong khu vực ASEAN, tiểu vùng sông Mêkông (GMS).

b) Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể:

- Về kinh tế:

+ Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm (GRDP) bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt 8,2%/năm;

+ Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp chiếm khoảng 10,5%; phi nông nghiệp chiếm khoảng 84,5%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm khoảng 5%;

+ GRDP bình quân đầu người người đạt khoảng 140 - 170 triệu đồng/người;

+ Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội cả giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 434 nghìn tỷ đồng;

+ Thuộc nhóm trung bình khá của cả nước về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số chuyển đổi số (DTI);

+ Thuộc nhóm khá của cả nước về Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI).

- Về phát triển đô thị, nông thôn:

+ Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 42% - 48%;

+ 85% số xã đạt chuẩn nông thôn mới.

- Về xã hội:

+ Chỉ số phát triển con người (HDI) năm 2030 đạt trên 0,75;

+ Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 1 - 1,5%/năm;

+ Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 85%;

+ Trên 96% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

- Về tài nguyên và môi trường:

+ Tỷ lệ che phủ rừng khoảng 49,5%, nâng cao chất lượng rừng, bảo tồn và phục hồi rừng phòng hộ ven biển;

+ 95 - 99% dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung; 98% hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh;

+ 100% khu, cụm công nghiệp hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn môi trường;

+ 100% các cơ sở sản xuất được cấp giấy phép môi trường, xử lý dứt điểm các điểm gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích;

+ Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt đô thị đạt 90 - 100%; nông thôn đạt 80 - 90%; xử lý 100% chất thải rắn nguy hại.

- Về phát triển kết cấu hạ tầng:

+ Phát triển đủ 5 loại hình giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy, cảng biển và hàng không); xây dựng và nâng cấp các tuyến đường kết nối thành phố Đông Hà, thị xã Quảng Trị và các huyện với đường bộ cao tốc Bắc - Nam và các tuyến giao thông quốc gia;

+ 100% hộ dân trên đất liền được sử dụng điện lưới quốc gia;

+ Hoàn thiện và đưa vào vận hành các nhà máy điện khí và các nguồn năng lượng sạch đã được phê duyệt quy hoạch;

+ Hoàn thành xây dựng nền tảng, các mục tiêu của chính quyền điện tử và thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột: chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; ưu tiên các lĩnh vực trọng điểm như giáo dục, y tế, nông nghiệp, du lịch...

- Về hợp tác quốc tế: Phát huy có hiệu quả Hành lang kinh tế quốc tế Đông - Tây; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

- Về quốc phòng, an ninh: Phòng, chống hiệu quả các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống; xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Quảng Trị trở thành tỉnh có nền kinh tế vững mạnh với cơ cấu chính là công nghiệp - dịch vụ và là một trong những động lực phát triển của khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung. Là một trong những trung tâm năng lượng sạch, công nghiệp khí của khu vực Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và cả nước; hình thành trung tâm hydro xanh tại khu vực có tiềm năng về năng lượng tái tạo, đặc biệt là khu vực tập trung điện gió ngoài khơi tại vùng biển các huyện phía Đông của tỉnh. Là hạt nhân quan trọng, tham gia tích cực và chủ động vào các hoạt động giao thương, liên kết trên tuyến Hành lang kinh tế quốc tế Đông - Tây. Liên kết Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị với Khu công nghiệp Phong Điền (Thừa Thiên Huế) để thành lập đặc khu kinh tế cửa mở Biển Đông.

4. Các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển

a) Các khâu đột phá phát triển:

- Xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ để tạo điều kiện phát huy các tiềm năng phát triển của tỉnh. Tập trung huy động đa dạng hóa các nguồn lực nhằm đẩy nhanh triển khai thực hiện các dự án giao thông trọng điểm trên địa bàn tỉnh như: Cảng hàng không Quảng Trị; cảng biển Mỹ Thủy; đường cao tốc Triệu Phong - Lao Bảo; đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông - Tây; Quốc lộ 15D kết nối cửa khẩu quốc tế La Lay - Cảng Mỹ Thủy; Quốc lộ 9 kết nối cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - cảng Cửa Việt... và hệ thống giao thông liên vùng có tính kết nối cao như tuyến động lực phía Tây Quốc lộ 1; đường Hùng Vương kéo dài... Đảm bảo đến năm 2030 cơ bản kết nối thông suốt bằng loại hình giao thông tốc độ cao dọc theo trục động lực Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông - Tây (bao gồm 02 tuyến Mỹ Thủy - La Lay và đường bộ cao tốc Triệu Phong - Lao Bảo); phát triển Khu bến cảng nước sâu Mỹ Thủy trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa của khu vực và quốc tế.

- Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo môi trường đầu tư kinh doanh năng động của khu vực Bắc Trung Bộ. Phấn đấu đến năm 2025 nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, các chỉ số thành phần về chỉ số PCI và chỉ số cải cách hành chính của tỉnh sẽ được nâng dần vị trí xếp hạng, mỗi năm tăng từ 3 - 5 bậc, nằm trong nhóm địa phương có chất lượng điều hành khá. Đến năm 2030, xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh năng động về môi trường kinh doanh và đầu tư.

- Thực hiện chuyển đổi số: Đến năm 2030, hoàn thành thực hiện chuyển đổi số ở cả ba trụ cột là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, gắn kết với cải cách hành chính và đô thị thông minh. Thực hiện đổi mới quản trị theo hướng hiện đại để đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số, đồng thời nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và ứng dụng nền tảng trí tuệ nhân tạo, trong mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, phát triển và đổi mới sáng tạo, trong môi trường số an toàn, rộng khắp.

- Chuẩn bị và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Phát triển nguồn nhân lực là một trong những ưu tiên hàng đầu của tỉnh; trong đó, nhấn mạnh vào việc tăng cường khả năng phối hợp giữa các bên có liên quan, bao gồm các cơ quan cấp quốc gia, các cơ quan cấp tỉnh, các đơn vị giáo dục - đào tạo và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tạo môi trường sinh sống và làm việc hấp dẫn nhằm thu hút nhân tài trong và ngoài nước. Từng bước hình thành thị trường lao động cung cấp cho khu vực và hành lang Đông - Tây.

b) Các nhiệm vụ trọng tâm:

- Xây dựng Quảng Trị trở thành Trung tâm năng lượng sạch của miền Trung vào năm 2030. Phân đấu xây dựng Quảng Trị trở thành điểm tiếp bờ của mỏ khí Kèn Bầu và Báo Vàng.

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng logistic chất lượng và hiệu quả, góp phần tạo lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp đầu tư sản xuất, kinh doanh tại tỉnh.

- Phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo ứng dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao.

- Phát triển nông nghiệp hàng hóa, áp dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến và nông nghiệp sinh thái, hữu cơ.

- Bảo vệ môi trường, phục hồi sinh thái và bảo tồn đa dạng sinh học, kết hợp khai thác phát huy các giá trị sinh thái đặc thù.

- Thực hiện phát triển bao trùm, tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân có cơ hội tham gia và hưởng lợi từ quá trình phát triển; qua đó thực hiện tiến bộ xã hội, xoá đói giảm nghèo, chăm lo cho các nhóm yếu thế, các đối tượng chính sách.

- Củng cố quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội; chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế; đảm bảo đường biên giới ổn định, hòa bình, hữu nghị hợp tác và phát triển với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

5. Phương án tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội

a) Các tiểu vùng phát triển:

- Vùng trung du và đồng bằng cao - từ hai bên Quốc lộ 1 đến hai bên đường bộ cao tốc: Là vùng trọng điểm phát triển của tỉnh, tập trung phát triển kinh tế và đô thị, với các đô thị hiện hữu đóng vai trò hạt nhân; ưu tiên đầu tư nâng cấp hạ tầng, kết nối để tạo thêm động lực phát triển; khuyến khích phát

triển công nghiệp, dịch vụ dọc các tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam, đường Quốc lộ 1 và các hành lang Đông - Tây; xây dựng đường tránh Quốc lộ 1 về phía Tây để nâng cao chất lượng chuỗi đô thị chính của tỉnh và tạo thêm động lực phát triển cho vùng phía Tây của Quốc lộ 1.

- Vùng ven biển: Là vùng trọng điểm phát triển của tỉnh, ưu tiên phát triển các đô thị du lịch, khu du lịch tổng hợp ven biển, kết nối với đảo Cồn Cỏ; hình thành các tổ hợp nuôi trồng, chế biến thủy sản hiện đại - thân thiện môi trường; phát triển các tổ hợp công nghiệp không gây ô nhiễm kết hợp với dịch vụ và đô thị, dân cư; duy trì, phục hồi và mở rộng dải rừng phòng hộ ven biển, phục hồi môi trường vùng rừng sinh thái vùng cát; phát triển Khu kinh tế Đông Nam là khu kinh tế biển tổng hợp, trọng tâm là công nghiệp năng lượng, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế ven biển, logistic; xây dựng sân bay tại Gio Linh và cảng biển tại Mỹ Thủy.

- Vùng trũng nằm giữa vùng ven biển và vùng đồng bằng cao: Là tiểu vùng phụ trợ, ưu tiên phát triển nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp công nghệ cao; nâng cấp hạ tầng và chất lượng môi trường sống của các khu dân cư hiện hữu, tăng cường kết nối với vùng trung tâm; phát triển du lịch sinh thái; phục hồi môi trường và chủ động phòng chống thiên tai, ứng phó với nước và biến đổi khí hậu.

- Vùng núi phía Tây: Là tiểu vùng phụ trợ, ưu tiên phục hồi, bảo tồn sinh thái vùng núi, đan xen với phát triển du lịch sinh thái bền vững; phát triển điện gió; phát triển kinh tế cửa khẩu gắn với thương mại, dịch vụ, logistic, trung tâm hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, trong đó, khu vực cửa khẩu Lao Bảo và La Lay có tính chất chính là du lịch sinh thái, thương mại và logistic; hình thành và phát triển Khu kinh tế thương mại xuyên biên giới chung Lao Bảo - Đensavăn.

b) Các hành lang phát triển - là các trục lõi động lực, đồng thời kết nối các tiểu vùng kinh tế - xã hội, gồm:

- Hành lang phát triển trung tâm (vùng đồng bằng cao và trung du - từ hai bên Quốc lộ 1 đến hai bên đường cao tốc Bắc - Nam): Tập trung các hoạt động kinh tế công nghiệp, du lịch, dịch vụ, đào tạo... và đô thị, gắn với các hành lang hạ tầng kỹ thuật quốc gia theo hướng Bắc - Nam.

- Hành lang phát triển ven biển, với trọng tâm là trung tâm công nghiệp khí, công nghiệp đa ngành khai thác lợi thế cảng biển, dịch vụ logistic, đô thị du lịch sinh thái biển và sinh thái vùng cát ven biển gắn với phục hồi hệ sinh thái.

- Hành lang phát triển Đông - Tây dọc theo Quốc lộ: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Lao Bảo - Đông Hà - Cửa Việt, phát triển logistic, thương mại, dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng...

- Hành lang phát triển Đông - Tây dọc theo Quốc lộ 15D: Khai thác tiềm năng và lợi thế của hành lang quốc tế Đông - Tây, kết nối cửa khẩu Quốc tế La

Lay - Cảng Mỹ Thủy, phát triển logistic, thương mại, dịch vụ, du lịch, nâng cao chất lượng môi trường sống của dân cư, hỗ trợ phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với cộng đồng và du lịch sinh thái, đảm bảo an ninh quốc phòng, phát huy tiềm năng kinh tế biển gắn với cảng biển quốc tế...

- Hành lang phát triển biên giới - hành lang phụ trợ, gắn với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, kết nối với các hành lang Đông - Tây để phát triển kinh tế vùng biên giới Việt - Lào, tạo động lực thúc đẩy phát triển khu vực vùng núi; tổ chức một số điểm cao ngắm cảnh, chiêm ngưỡng sự hùng vĩ của dãy Trường Sơn từ trên cao, kết hợp với phát triển các điểm dân cư và đô thị gắn với du lịch sinh thái núi, tổ chức trải nghiệm văn hóa cộng đồng, dân tộc.

- Hành lang phát triển phụ trợ dọc theo đường 9D, kết nối các điểm đô thị Hồ Xá - Bến Quan - Hướng Phùng với không gian ven biển cũng như vùng núi phía Tây: Khai thác đa dạng sinh thái, văn hoá, lịch sử để phát triển du lịch sinh thái - văn hoá - lịch sử, cộng đồng; phát triển nông nghiệp hiệu quả cao, đặc biệt là cây công nghiệp, cây ăn quả, vùng rừng nguyên liệu...

c) Định hướng chung trong tổ chức hoạt động kinh tế - xã hội:

Mọi hoạt động kinh tế đều cần quan tâm đến khía cạnh cảnh quan, môi trường, công nghệ, tương tác với cộng đồng để hỗ trợ phát triển du lịch. Phát triển một hệ sinh thái kinh tế - du lịch đa dạng, liên kết du lịch với các hoạt động kinh tế khác, gắn với chương trình nâng cấp chất lượng môi trường sống của dân cư.

6. Phương án quy hoạch hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn

a) Phương án quy hoạch hệ thống đô thị:

- Đến năm 2030, toàn tỉnh có 18 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại IV/III (thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 03 đô thị loại IV (thị trấn Hồ Xá, Lao Bảo, Khe Sanh); 04 đô thị loại V/IV (thị trấn Gio Linh, Ái Tử, Cam Lộ, Diên Sanh); 09 đô thị loại V, trong đó: 04 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Cửa Việt mở rộng, Krông Klang), 05 đô thị thành lập mới (Nam Cửa Việt, Sông, Tà Rụt, Lìa, La Vang) và một số khu vực phát triển đô thị mới (Cùa, Hải Chánh, Hướng Phùng, khu đô thị sân bay Quảng Trị và một số khu vực khác).

- Đến năm 2050, toàn tỉnh có 19 đô thị, gồm: 01 đô thị loại II (thành phố Đông Hà); 01 đô thị loại III (thị xã Quảng Trị và vùng phụ cận); 09 đô thị loại IV (thị trấn Hồ Xá, Gio Linh, Cam Lộ, Ái Tử, Lao Bảo, Khe Sanh, Cửa Việt, Nam Cửa Việt và thị xã Hải Lăng - được nâng cấp từ huyện Hải Lăng); 08 đô thị loại V, gồm 06 đô thị hiện hữu (Bến Quan, Cửa Tùng, Krông Klang, Lìa, Sông và Tà Rụt), 02 đô thị phát triển mới là Cùa, Hướng Phùng và khu vực phát triển đô thị mới bao gồm tổ hợp công nghiệp, dịch vụ và đô thị gần sân bay Quảng Trị.

b) Phương án tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn:

- Xây dựng mô hình phát triển bền vững, trên cơ sở duy trì tối đa sự ổn định của hệ thống khu dân cư sẵn có, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và môi trường sản xuất, đồng thời phát triển các khu vực dân cư mở rộng, đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của dân cư nông thôn.

- Kiểm soát chặt chẽ về vấn đề môi trường.

- Hoàn thiện kết cấu hạ tầng nông thôn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa; triển khai các mô hình bổ sung các khu chức năng phục vụ nâng cao đời sống dân cư và tạo việc làm tại nông thôn.

- Liên kết phát triển nông thôn với các đô thị, triển khai giải pháp xã thông minh để tăng cường liên kết, phát triển kinh tế, xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân của địa phương.

- Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung. Phát triển các khu vực chế biến và giới thiệu các sản phẩm nông thủy sản được tập kết từ các vùng nguyên liệu xung quanh.

7. Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã

- Đến năm 2025: Thực hiện sắp xếp đối với các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 70% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 20% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

- Đến năm 2030: Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã còn lại có đồng thời cả 2 tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số dưới 100% quy định; đơn vị hành chính cấp huyện đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 200% quy định; đơn vị hành chính cấp xã đồng thời có tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên dưới 30% và quy mô dân số dưới 300% quy định.

Tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số của đơn vị hành chính thực hiện theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính. Việc lập và thực hiện quy hoạch sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023 - 2030, ngoài tiêu chuẩn về diện tích tự nhiên và quy mô dân số cần phải tính đến kết quả sắp xếp giai đoạn trước, đơn vị hành chính ổn định từ lâu, có vị trí biệt lập, có các yếu tố đặc thù và các đơn vị hành chính nông thôn đã được quy hoạch thành đơn vị hành chính đô thị. Phạm vi ranh giới cụ thể của từng đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã phải phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thời kỳ quy hoạch tỉnh. Thị xã Quảng Trị có các yếu tố đặc thù về lịch sử hình thành, lịch sử truyền thống cách mạng, có Thành cổ Quảng Trị là di tích lịch sử cấp quốc gia đặc biệt quan trọng. Trong giai đoạn đến năm 2030, chưa sắp xếp thị xã Quảng Trị. Đến khi huyện Hải Lăng được nâng cấp lên thị xã, sẽ đồng thời tiến hành việc sắp xếp đơn vị hành chính đối với cả thị xã Quảng Trị.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị khóa VIII, Kỳ họp thứ 21 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UVTVQH, Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC; KBNN tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH**Nguyễn Đăng Quang**